

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HSST
Ngày 07-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Gọc
2. Bà Lương Thị Diệu
3. Bà Lương Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Hải, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
ông Lưu Văn Cẩm- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07/02/2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2017/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/HSST-QĐ ngày 03/01/2018 đối với:

Bị cáo Nguyễn Công S, tên gọi khác: Chín S; sinh năm 1961 tại Tây Ninh; Nơi cư trú (HKTT, chỗ ở hiện tại): Ấp ĐK, xã TT, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Hồ Thị H (đã chết). Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị Ngọc N và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1990. Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

Trần Quang Phương – công ty Luật TNHH MTV Quang Phương

Địa chỉ: E2/36B thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Người bị hại:

Nguyễn Thị Hoàng Q, sinh năm 1998

Trú tại: xã TH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước. Có mặt

Đại diện theo ủy quyền: bà Tôn Nữ Thị H, sinh năm 1969

Địa chỉ: phường 7, quận TB, TP.HCM. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:

Bà Phan Thị Vân – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2002 Nguyễn Công S (Chín S) từ tỉnh Tây Ninh đến sinh sống làm ăn và ở nhà ông M sinh năm 1953 (S và ông M có quan hệ cột chèo với nhau) tại xã TH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước, tại đây có cháu ngoại ông M là Nguyễn Thị Hoàng Q, sinh năm 1998 sống chung nhà. Đến khoảng năm 2010 S làm nhà ở riêng cách nhà ông M khoảng 1,5km và đưa gia đình đến sinh sống. Trong thời gian sinh sống tại huyện HQ lợi dụng sự quen biết, cháu Q còn nhỏ nhận thức hạn chế nên đã dụ dỗ và giao cấu với cháu Q 03 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 11h (không nhớ ngày) vào tháng 9/2010, S một mình ở nhà ông M, khi S đang nằm trên võng xem ti vi thì Q đi chơi về rồi lên ngồi chung trên võng, S nảy sinh ý định giao cấu nên kêu Q đi vào phòng ngủ của gia đình ông M, khi vào S tự cởi quần dài rồi nằm lên giường, Q cũng lên giường nằm chung, sau đó S kéo áo thun của Q qua khỏi ngực đồng thời dùng miệng hôn vào vú, liền ngay sau đó cởi quần dài và quần lót của Q ra khỏi 01 chân, S tự cởi quần đùi ra khỏi 01 chân rồi nằm đè lên người Q giao cấu khoảng 4-5 phút thì xuất tinh, giao cấu xong S và Q tự mặc quần lại.

Lần thứ hai: Khoảng 9h ngày 20/3/2011 S đang ở nhà của S và nằm trên giường một mình, Q đi xe đạp đến chơi, thấy vậy Q đi đến lên giường nằm chung, lúc này S ôm hôn và kéo áo qua khỏi ngực Q, sau đó S đứng xuống giường tự cởi quần ra và cởi quần của Q ra khỏi chân và đưa dương vật vào âm hộ giao cấu khoảng 2-3 phút thì xuất tinh, sau đó S và Q tự mặc quần lại, Q đi về nhà.

Lần thứ ba: Khoảng tháng 3/2012 (không nhớ ngày), gia đình S bán nhà tại xã TH, huyện HQ để về lại tỉnh Tây Ninh sống, do vậy bà ngoại Q là bà Nguyễn

Ngọc X, sinh năm 1954 chở Q đến nhà Sở ăn tối để chia tay ngày mai gia đình S về Tây Ninh. Sau khi ăn xong bà X đi về trước, khoảng 30 phút sau S chở Q đi về. Khi đến quán nước (quán đã bỏ, không còn buôn bán) của mẹ Q là chị Nguyễn Thị Hoàng D, sinh năm 1978 cách nhà ông M khoảng 20m, S tắt máy xe và dẫn Q vào trong quán ôm nhau sau đó giao cầu, giao cầu xong S chở Q về nhà ông M, rồi S đi về nhà [bút lục 160-165 và các bản trường trình bút lục 185,186, bản vẽ sơ đồ của các lần giao cầu 187,188].

Sau các lần giao cầu, S nói Q đừng nói với ai biết, đến khoảng đầu tháng 12/2015 Q bị ông M la mắng nên bỏ về sống cùng mẹ tại xã TLH, huyện CC, TP Hồ Chí Minh. Tại đây, Q kể lại toàn bộ hành vi giao cầu của S cho bà D biết, để có chứng cứ tố cáo hành vi của S, bà D đã hướng dẫn cho Q gọi điện thoại và ghi âm các cuộc nói chuyện giữa Q và S về hành vi liên quan đến việc giao cầu. Ngày 22/01/2016 chị D làm đơn tố cáo đến Công an huyện HQ và giao nộp đĩa ghi âm.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tình dục số: 63/2016/TD ngày 17/3/2016 của Trung tâm giám định y khoa – pháp y tỉnh Bình Phước kết luận:

- Màng trinh giãn, đường kính khoảng 2,2cm, có điểm rách vị trí 3 giờ và 9 giờ, không bầm tím, không xung huyết [bút lục 150-151].

Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 15/17/ĐT ngày 19/5/2017 của Viện pháp y quốc gia – Phân viện tại TP Hồ Chí Minh kết luận:

Xác định tại thời điểm giám định ngày 20/4/2017, Nguyễn Thị Hoàng Q có độ tuổi trên 18 năm.

Tại công văn phúc đáp số: 17/PVPYQG – KGĐ ngày 13/6/2017 của Viện pháp y quốc gia – Phân viện tại TP Hồ Chí Minh phúc đáp: Tại thời điểm giám định, tình trạng cơ thể, sự mọc răng và đặc điểm cốt hóa các đầu xương đã liên hoàn toàn vào thân xương, thể hiện sự trưởng thành nên không thể xác định giới hạn độ tuổi tối đa của Nguyễn Thị Hoàng Q được [bút lục 159].

Tại bản kết luận giám định số 5112/C54-P6 ngày 17/01/2017 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát kết luận:

03 tập tin âm thanh:

- Track01.cda thời lượng: 09 phút 15 giây
- Track02.cda thời lượng: 11 phút 47 giây
- Track03.cda thời lượng: 09 phút 10 giây.

Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa, gián đoạn nội dung, tiếng nói của người đàn ông trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Công S trong mẫu so sánh là một người.

Nội dung cuộc đối thoại trong file âm thanh ghi mẫu cần giám định đã được dịch ra thành văn bản gồm 14 trang giấy A4 [bút lục 142-149].

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Hoàng Q yêu cầu bồi thường thiệt hại tinh thần và các chi phí hợp lý khác số tiền 182.844.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 43/CTr-VKS ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Công S phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” và tội “Giao cấu với trẻ em” theo quy định tại khoản 4 Điều 112 và điểm a khoản 2 điều 115 của BLHS Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước và chỉ thừa nhận 01 lần thực hiện hành vi giao cấu với người bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 11 đến 12 năm tù về tội Hiếp dâm trẻ em, 5 đến 6 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em” tổng hợp hình phạt cả hai tội đề nghị đề nghị xử phạt bị cáo, mức án từ 16 đến 18 năm tù chung cho cả hai tội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo do bị cáo tuổi đã cao.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải bồi thường thỏa đáng cho người bị hại.

Bị cáo nói lời sau cùng: mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi giao cấu với người bị hại theo như bản cáo trạng truy tố.

Theo lời trình bày của người bị hại thì trong một thời gian sống chung với ông bà ngoại, từ lúc 5-6 tuổi đến năm 2011 đã bị bị cáo xâm hại nhiều lần, trong đó có một lần có thai vào cuối năm học lớp 7. Bị cáo thừa nhận có chở cháu Q đi phá thai nhưng không nhận việc cháu Q mang thai là hậu quả từ việc quan hệ tình dục của bị cáo. Tại cơ quan điều tra, ban đầu bị cáo khai nhận 3 lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu Q nhưng sau đó thay đổi lời khai. Tại phiên tòa cũng chỉ khai nhận một lần giao cấu với cháu Q vào khoảng tháng 3/2012.

Tuy bị cáo không khai nhận các hành vi giao cấu với cháu Q trước đó. Xét lời khai của bị cáo, đối chiếu với lời khai của người bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể như sau:

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/01/2016 (b1260), bản tự khai cùng ngày (b1185 -188) và sơ đồ nơi xảy ra hành vi giao cấu: bị cáo thừa nhận 3 lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu Q. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo trình bày lý do bị cáo khai nhận 2 lần vào tháng 9/2010 và ngày 20/3/2011 là do cán bộ tên Cường có nói cứ khai 1 lần hay 2, 3 lần cũng vậy, cứ khai đi rồi cho về, vì lúc này vợ của bị cáo bị bệnh nặng nên bị cáo khai để được về. Xét lời khai này là không có căn cứ vì các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không có cán bộ tên Cường nào tham gia lấy lời khai của bị cáo. Hơn nữa, xét 2 lần khai nhận này của bị cáo về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện đúng với lời khai của người bị hại. Các tài liệu, chứng cứ khác như việc xác minh đặc điểm bộ phận sinh dục của bị cáo do người bị hại trình bày ngày 11/3/2016 (bút lục 108) sau đó được cơ quan chuyên môn xác định tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 18/4/2016 đúng như mô tả của người bị hại là căn cứ để bác bỏ việc bị cáo không nhận những lần giao cấu trước đó mà bị cáo đã khai nhận.

Nội dung file ghi âm do người bị hại cung cấp thể hiện rõ nội dung bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu với bị hại nhiều lần. Nhưng do vụ án xảy ra đã lâu, việc điều tra thu thập chứng cứ để làm căn cứ xác định bị cáo có thực hiện hành vi xâm hại người bị hại từ lúc người bị hại 5-6 tuổi hay không của cơ quan điều tra chưa chứng minh được. Tại phiên tòa bị cáo không khai nhận và không có chứng cứ nào khác nên cần kết luận về hành vi mà bị cáo đã thực hiện theo kết luận tại bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước và đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa.

Như vậy, Hội đồng xét xử có thể khẳng định: trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2012, Nguyễn Công S đã 03 lần thực hiện hành vi giao cấu với Nguyễn Thị Hoàng Q (sinh ngày 01/01/1998).

Lần thứ nhất, bị cáo giao cấu với người bị hại vào khoảng tháng 9 năm 2010, khi người bị hại chưa đủ 13 tuổi đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm trẻ em” theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự 1999 như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Áp dụng theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo luật số 12/2017/QH14 thì bị cáo phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” với tình tiết định khung “Giao cấu với người dưới 13 tuổi”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 142 của Bộ luật hình sự năm 2015. So sánh mức hình phạt tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự 1999 và điểm b khoản 1 Điều 142 của Bộ luật hình sự năm 2015, thì điều luật qui định tội danh mới có mức hình phạt thấp hơn, nên được áp dụng đối với bị cáo.

Lần thứ 2 và lần thứ 3, hành vi bị cáo giao cấu với người bị hại vào ngày 20/3/2011 và khoảng tháng 3 năm 2012, người bị hại đã đủ 13 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi, đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với trẻ em” với tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999 như cáo trạng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, quyền bất khả xâm phạm về tình dục của phụ nữ, đặc biệt là trẻ em, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý và quá trình hình thành nhân cách của người bị hại. Khi thực hiện hành vi, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc giao cấu với người bị hại là trái pháp luật, trái luân thường đạo lý nhưng vì dục vọng của bản thân mà bị cáo vẫn lợi dụng mối quan hệ thân thiết giữa hai gia đình, lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người bị hại để thực hiện hành vi của mình.

Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm trọng xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa, bị cáo có khai nhận thực hiện hành vi phạm tội một lần; nhưng không khai nhận các hành vi xâm hại cháu Q do bị cáo thực hiện trước đó thái độ khai báo quanh co, chối tội thể hiện việc bị cáo không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 50 tháng lương tối thiểu, tổn thất về sức khỏe là 10 tháng lương tối thiểu, và 10.000.000đ bồi dưỡng cho người bị hại, và tiền tổn thất tinh thần cho ông bà ngoại và mẹ của người bị hại.

Theo quy định tại các Điều 585, 590 và 592 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử thấy chỉ có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của người đại diện theo ủy quyền của người bị hại cụ thể như sau: tiền tổn thất tinh thần là 50

tháng lương cơ sở, tiền tổn thất sức khỏe là 10 tháng lương cơ sở tương đương 78.000.000đ và 10.000.000đ bồi dưỡng cho người bị hại. Nên cần buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại tổng số tiền là 88.000.000đ.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo phù hợp một phần với quan điểm của Hội đồng xét xử, được chấp nhận một phần.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Án phí sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Công S** phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” và tội “Giao cấu với trẻ em”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 142; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công S 11 năm tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công S 05 tù về tội “Giao cấu với trẻ em”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 16 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam: ngày 10/4/2017.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 590, 592 BLDS, buộc bị cáo Nguyễn Công S phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị Hoàng Q số tiền 88.000.000đ, trong đó tiền tổn thất tinh thần là 78.000.000đ và tiền bồi dưỡng để phục hồi sức khỏe là 10.000.000đ.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Vật chứng của vụ án: không

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000đ.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 4.400.000đ

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- TANDTC-VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THA tỉnh Bình Phước;
- CSĐT, phòng HSCA tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Loan